



DANH MỤC PHÉP THỬ MỞ RỘNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED EXTENSION TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1421/QĐ-VPCNCL ngày 14 tháng 07 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý cấp nước**

Laboratory: **Water supply management laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Nước sạch và Vệ sinh Nông thôn tỉnh Nam Định**

Organization: **Nam Dinh rural water supply and sanitation joint stock company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Sinh**

Field of testing: **Chemical, Biological**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Phạm Thị Hằng**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory :

TT	Họ và tên/Name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Phạm Thị Hằng	Các phép thử được công nhận mở rộng/ <i>Accredited extension tests</i>
2.	Nguyễn Thị Ân	Các phép thử Hóa được công nhận mở rộng/ <i>Accredited Chemical extension tests</i>
3.	Trần Thị Thắm	Các phép thử Sinh được công nhận mở rộng/ <i>Accredited Biological extension tests</i>

Số hiệu/ Code: **VILAS 1228**

Hiệu lực công nhận/ period of validation: **08/08/2025**

Địa chỉ /Address: **Số 5, Yết Kiêu, Khu đô thị Hòa Vượng, P. Lộc Hòa, TP Nam Định, tỉnh Nam Định**

Địa điểm / Location: **Xóm 5, Bảo Xuyên, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định**

Điện thoại/ Tel: **02283.528.175**

Fax: **02283.845.589**

E-mail: **phongquanlycapnuoc@gmail.com**

Website: **www.nuocsachnongthonnamdinh.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ MỞ RỘNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED EXTENSION TESTS

VILAS 1228

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of Testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định tổng chất rắn hòa tan (TDS) (x) Phương pháp đo trực tiếp bằng máy đo AZ86021 AZ Instrument <i>Determination of total dissolved solids (TDS) (x) Quick measurement method</i>	(1 ~ 10.000) mg/L	TN/HD.PT/01 :2022
2.		Xác định tổng chất rắn hòa tan (TDS) Phương pháp khối lượng <i>Determination of total dissolved solids (TDS) Gravimetric method</i>	15,0 mg/L	SMEWW 2540 C:2017
3.		Xác định hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay <i>Determination of Ammonium Manual spectrometric method</i>	0,11 mgN/L	TCVN 6179-1:1996
4.		Xác định hàm lượng Florua (F ⁻) Phương pháp trắc quang dùng SPANDS <i>Determination of Fluorine (F⁻) content Spectrometric method using SPANDS</i>	0,2 mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ D.2017
5.		Xác định hàm lượng Sunfua Phương pháp chuẩn độ Iot <i>Determination of Sulfur content Iodine titration method</i>	0,05 mg/L	SMEWW 4500- S ²⁻ F:2017

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia
- TN/HD.PT/01: Phương pháp thử do PTN xây dựng /Laboratory developed method
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- (x): Đo tại hiện trường/Onsite tests

DANH MỤC PHÉP THỬ MỞ RỘNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED EXTENSION TESTS***VILAS 1228****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh****Field of testing: Biological**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc <i>Determination and Enumeration of Pseudomonas aeruginosa Membrane filtration method</i>	1 CFU/100 mL	TCVN 8881:2011
2.		Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> Phương pháp màng lọc <i>Enumeration of Staphylococcus aureus Membrane filtration method</i>	1 CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2017

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

